SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 421 /QĐ-CĐKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp chính quy Học kỳ I Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, trong đó có quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-CĐKT ngày 29 tháng 6 năm 2022 ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với Học sinh, sinh viên trình độ Cao đẳng, Trung cấp hình thức chính quy của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết luận của Hội đồng theo biên bản họp Hội đồng xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trình độ cao đẳng, trung cấp hình thức chính quy Học kỳ I Năm học 2022-2023 của Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12 tháng 5 năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học sinh-Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ I Năm học 2022-2023 đối với 584 sinh viên khóa 16, 17, 18 trình độ Cao đẳng hình thức chính quy và 02 học sinh trình độ Trung cấp hình thức chính quy *(danh sách đính kèm)*.

Điều 2. Mức học bổng chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông/Bà Trưởng các đơn vị có liên quan, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Kế hoạch - Tài chính, khoa Kế toán - Kiểm toán, khoa Quản trị - Kinh doanh, khoa Tài chính - Ngân hàng, khoa Ngoại ngữ, khoa Khoa học xã hội và Quản lý công nghiệp, Khoa Công nghệ thông tin và học sinh, sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Văn Tứ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

(Đính kèm quyết định số: 421 /QĐ-CĐKT ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	TT	Mã SV	Họ	Tên	Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại	Mức chi học bổng (đồng/tháng)	Số tháng	Thành tiền	Ký nhận
		I. XẾP LOẠI HỌC BỔNG XUẤT SẮC									**943.350.000**	
1	1	20661070	Huỳnh Trần Đức	Lập	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
2	2	20661079	Lâm Trọng	Nhân	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
3	3	20662002	Ngô Quang	Hậu	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
4	4	20661002	Trần Cẩm	Hòa	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
5	5	20662001	Phan Nhật	Tân	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
6	6	20662020	Trương Tuấn	Kiệt	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	

7	7	20634018	Kiều Thị Kim	Phượng	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
8	8	20671005	Trần Thị Phương	Thảo	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
9	9	20671003	Lê Thị Bích	Trâm	16CTX01	16	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
10	10	20681003	Nguyễn Thị Thu	Trang	16CDL01	16	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
11	11	20681012	Lê Thanh	Tùng	16CDL01	16	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
12	12	20631515	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	16CKT05	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
13	13	20631484	Nguyễn Kim	Thảo	16CKT05	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
14	14	20631414	Lê Quỳnh	Như	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
15	15	20691017	Phạm Văn	Khải	16AKT01	16	Kế toán chất lượng cao (AKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
16	16	20631388	Ngô Nguyễn Thị Hoài	Nhung	16CKT05	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
17	17	20631448	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
18	18	20631421	Phạm Thị Minh	Thư	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

19	19	20631088	Phạm Trần Quỳnh	Như	16CKT02	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
20	20	20631468	Nguyễn Hoàng Thanh	Phương	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
21	21	20631016	Dương Thị Huỳnh	Như	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
22	22	20631168	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16CKT03	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
23	23	20631014	Trần Thị Diễm	Phúc	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
24	24	20631045	Ngô Thị Quyền	Trân	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
25	25	20631262	Nguyễn Ngọc	Thảo	16CKT04	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
26	26	20631052	Nguyễn Bảo	Đạt	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
27	27	20631285	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	16CKT04	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
28	28	20631526	Phạm Thị Thanh	Phượng	16CKT03	16	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
29	29	20612075	Đinh Thạch Ngọc	Trâm	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
30	30	20621014	Bùi Thị Khánh	Vy	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

31	31	20612121	Nguyễn Thị Thúy	Vy	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
32	32	20612002	Đào Thùy Thanh	Thảo	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
33	33	20612120	Trần Võ Bích	Trang	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
34	34	20612141	Võ Thị Cẩm	Nhung	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
35	35	20612016	Hà Nữ Kiều	Linh	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
36	36	20612144	Ninh Thị Minh	Lộc	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
37	37	20612106	Lê Thị Thùy	Dung	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
38	38	20613048	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
39	39	20613150	Huỳnh Tấn	Thành	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
40	40	20613161	Đặng Thị	Nhàn	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
41	41	20613022	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
42	42	20613164	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

43	43	20613090	Lê Thành	Mẫn	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
44	44	20613138	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
45	45	20651009	Nguyễn Công	Danh	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
46	46	20651004	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
47	47	20641527	Ngô Thị Hiền	Hoà	16CQT07	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
48	48	20641809	Lý Cao Nhã	Tuấn	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
49	49	20641880	Đỗ Thị Thanh	Thanh	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
50	50	20641788	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
51	51	20641881	Nguyễn Đình	Tùng	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
52	52	20641166	Nguyễn Thanh	Hiền	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
53	53	20641914	Nguyễn Thị	Lan	16CQT12	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
54	54	20641739	Nguyễn Thị Ánh	Đào	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

55	55	20635005	Phạm Thị	Trang	16CFB01	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
56	56	20635134	Huỳnh Thị Hồng	Yến	16CFB01	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
57	57	20635024	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	16CFB01	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
58	58	20635141	Nguyễn Xuân	Nhật	16CFB01	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
59	59	20635094	Phạm Thị Hiền	Lành	16CFB02	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
60	60	20635136	Trần Quốc	Hào	16CFB02	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
61	61	20635032	Võ Thành	Trung	16CFB01	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
62	62	20621118	Lê Hoàng	Long	16CTA02	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
63	63	20621036	Nguyễn Ngọc Duy	Anh	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
64	64	20621068	Nguyễn Thanh	Kiều	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
65	65	20621023	Quan Ngọc	My	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
66	66	20621022	Diệp Thanh	Thanh	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

67	67	20621053	Lâm Quốc	Hiệp	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
68	68	20621048	Võ Thị Như	Quỳnh	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
69	69	20621246	Đoàn Ngọc Tuyết	Nhi	16CTA02	16	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
70	70	20622050	Nguyễn Thành	Long	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
71	71	20622022	Nguyễn Thị Thuỳ	Trinh	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
72	72	20622002	Nguyễn Thị Kim	Trân	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
73	73	20622033	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngọc	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
74	74	20622004	Phạm Thị Thảo	Nguyên	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
75	75	20622035	Đặng Ngọc Diễm	Kiều	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
76	76	21661004	Trần Tiến	Đạt	17CIT01	17	Công nghệ thông tin (CIT)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
77	77	21662026	Bùi Thị Tường	Vy	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
78	78	21671001	Nguyễn Thanh	Vy	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

79	79	21671021	Nguyễn Thị	Thắm	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
80	80	21671005	Nguyễn Dạ Hoài	Trâm	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
81	81	21631015	Hồ Thị Bích	Hương	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
82	82	21631028	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
83	83	21631331	Lưu Hoàng Ngọc	Trâm	17CKT12	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
84	84	21631499	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	17CKT17	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
85	85	21631003	Lộc Thị	Hường	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
86	86	21631522	Đỗ Trần Tú	Linh	17CKT17	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
87	87	21631019	Trương Anh	Thư	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
88	88	21631034	Nguyễn Mai	Anh	17CKT02	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
89	89	21631002	Nguyễn Thị	Cúc	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
90	90	21631022	Tống Thu	Hường	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

91	91	21631376	Phạm Thị	Lộc	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
92	92	21631365	Lê Đỗ Huỳnh	Như	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
93	93	21631387	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
94	94	21631511	Nguyễn Thị	Hương	17CKT17	17	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
95	95	21611031	Nguyễn Văn	Thành	17CKD02	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
96	96	21611211	Đỗ Kim	Phụng	17CKD08	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
97	97	21611017	Phạm Thùy	Dương	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
98	98	21611013	Nguyễn Trương Thảo	My	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
99	99	21611160	Nguyễn Châu Yến	Vy	17CKD06	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
100	100	21611200	Võ Nguyễn Khánh	Vy	17CKD07	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
101	101	21611061	Phạm Huỳnh Thu	Trang	17CKD03	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
102	102	21611015	Phạm Nguyễn Thảo	My	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

103	103	21611237	Nguyễn Kim	Ngọc	17CKD08	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
104	104	21611098	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17CKD04	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
105	105	21612172	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
106	106	21612167	Lê Thị Nguyệt	Nga	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
107	107	21613024	Lê Như	Huỳnh	17CLG01	17	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
108	108	21641022	Nguyễn Hồ Hải	Đăng	17CQT01	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
109	109	21641681	Ngô Thị Khánh	Đoan	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
110	110	21641509	Mai Hoàng	Trường	17CQT17	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
111	111	21641126	Lê Thị Thùy	Trang	17CQT05	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
112	112	21641708	Lê Thị Tuyết	Nhi	17CQT24	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
113	113	21641736	Trần Thị Hồng	Hiệp	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
114	114	21641776	Võ Nguyễn Phương	Vy	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

115	115	21641613	Hồ Thị Thanh	Nhàn	17CQT21	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
116	116	21641738	Lê Bùi Hương	Huyền	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
117	117	21641046	Nguyễn Lý Đỉnh	Đỉnh	17CQT02	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
118	118	21621169	Trương Thị Ngọc	Ánh	17CTA06	17	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
119	119	21621023	Phạm Thị Ngân	Hà	17CTA01	17	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
120	120	21621161	Nguyễn Quang	Huy	17CTA06	17	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
121	121	21622003	Trần Thị Minh	Châu	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
122	122	21622007	Lê Thị Hiếu	Tiên	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
123	123	21622011	Nguyễn Hồng	Phúc	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
124	124	21635035	Nguyễn Công	Thành	17CFB02	17	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
125	125	22681028	Nguyễn Ngọc Tiểu	Tuyết	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Xuất sắc	1.410.000	5	7.050.000	
126	126	22631019	Nguyễn Thị Hồng	Giáng	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

127	127	22631038	Nguyễn Dương Ánh	Ngân	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
128	128	22631031	Võ Thái	Hòa	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
129	129	22631275	Lê Phương Minh	Khoa	18CKT10	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
130	130	22631026	Hà Thị Bích	Ngọc	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
131	131	22631511	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	18CKT17	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
132	132	22631349	Nguyễn Như	Quỳnh	18CKT12	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
133	133	22631068	Trần Thị Thảo	Kim	18CKT03	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
134	134	22631047	Nguyễn Thị Thanh	Bình	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
135	135	22631467	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	18CKT16	18	Kế toán (CKT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
136	136	22634001	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
137	137	22634009	Nguyễn Thị Mỹ	An	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
138	138	22634002	Võ Duy	Tân	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

139	139	22611108	Mai Phương	Uyên	18CKD04	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
140	140	22611184	Phạm Thanh	Giao	18CKD07	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
141	141	22611205	Phan Lê Thùy	Linh	18CKD07	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
142	142	22612039	Huỳnh Minh	Thi	18CXN02	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
143	143	22612015	Lê Thị Ngọc	Duyên	18CXN01	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
144	144	22613221	Trần Anh	Nam	18CLG07	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
145	145	22613256	Trầm Ngọc	Huy	18CLG08	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
146	146	22613045	Lê Hoàng Kim	Ngọc	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
147	147	22613056	Huỳnh Thị Minh	Tâm	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
148	148	22613078	Nguyễn Phương	Đông	18CLG03	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
149	149	22613004	Trần Tú	Anh	18CLG01	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
150	150	22613038	Lê Thị Thúy	Huỳnh	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	

151	151	22613187	Lâm Huệ	Linh	18CLG06	18	Logistics (CLG)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
152	152	22641030	Nguyễn Thị Thi	Đình	18CQT01	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
153	153	22641897	Nguyễn Ngọc	Hân	18CQT30	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
154	154	22641137	Nguyễn Thị Thu	Ngân	18CQT05	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
155	155	22641262	Huỳnh Kim	Tuyền	18CQT09	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
156	156	22621178	Huỳnh Huy	Minh	18CTA06	18	Tiếng anh (CTA)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
157	157	22622078	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18CKR02	18	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
158	158	22622026	Võ Thị Kim	Đoan	18CKR01	18	Tiếng hàn (CKR)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
159	159	22635009	Nguyễn Ngọc Minh	Uyên	18CFB01	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Xuất sắc	1.170.000	5	5.850.000	
		II. XẾP LOẠI HỌC BỔNG GIỎI									**1.496.160.000**	
160	1	20661006	Nguyễn Hoàng Đức	Thắng	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
161	2	20661074	Lý Hoàng	Phúc	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	

162	3	20661009	Nguyễn Trọng	Nghĩa	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
163	4	20662009	Huỳnh Tuấn	Lộc	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
164	5	20661040	Trần Văn	Trí	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
165	6	20661022	Phạm Hoàng Tuấn	Kiệt	16CIT01	16	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
166	7	20662014	Nguyễn Văn	Nhân	16CSI01	16	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
167	8	20631541	Nguyễn Ngọc	Hân	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
168	9	20631279	Phan Mỹ	Hương	16CKT04	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
169	10	20631318	Phan Ngọc	Huyền	16CKT04	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
170	11	20631008	Phan Thị Như	Quỳnh	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
171	12	20691020	Lê Thị Thùy	Trinh	16AKT01	16	Kế toán chất lượng cao (AKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
172	13	20631021	Bùi Thị Kim	Thoa	16CKT01	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
173	14	20631473	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

174	15	20631475	Nguyễn Ngọc Hồng	Như	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
175	16	20631406	Lê Tuyết	Như	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
176	17	20631430	Phan Nguyễn Minh	Châu	16CKT06	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
177	18	20631400	Huỳnh Ngọc	Phương	16CKT05	16	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
178	19	20634008	Phạm Ngọc Phương	Thảo	16CAD01	16	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
179	20	20634013	Nguyễn Thị Thuý	Hiền	16CAD01	16	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
180	21	20611135	Nguyễn Thị	Duyên	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
181	22	20611155	Đào Trần Bảo	Vy	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
182	23	20611173	Hồ Thị	Hạnh	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
183	24	20611064	Nguyễn Thị Thảo	Vy	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
184	25	20611134	Bùi Thị	Diễm	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
185	26	20611136	Thái Lâm Cẩm	Ngọc	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

186	27	20611113	Trần Tuyết	Lan	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
187	28	20611108	Phạm Thị Hoàng	Hân	16CKD02	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
188	29	20612116	Võ Thị Kim	Yến	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
189	30	20612113	Hà Thị	Thư	16CXN02	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
190	31	20612031	Trần Giang Hoàng	Nhi	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
191	32	20612146	Trương Thị Mỹ	Lợi	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
192	33	20612139	Nguyễn Thị Anh	Thư	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
193	34	20612143	Võ Thị Hương	Thủy	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
194	35	20612047	Phạm Thị	Duyên	16CXN01	16	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
195	36	20613108	Bùi Thị Thảo	Vân	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
196	37	20613068	Phạm Trung	Thành	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
197	38	20613165	Dương Thị Kim	Ngọc	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

198	39	20613100	Trần Minh	Thuận	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
199	40	20613117	Cao Thanh	Mai	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
200	41	20613031	Nguyễn Thị Đăng	Khuê	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
201	42	20613145	Nguyễn Thị Trà	Giang	16CLG01	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
202	43	20613148	Phạm Thị Tường	Vi	16CLG02	16	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
203	44	20651002	Lê Thị Minh	Yên	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
204	45	20651003	Đàm Thị Kim	Thi	16CIM01	16	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
205	46	20641345	Phạm Thị Mỹ	Linh	16CQT05	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
206	47	20641781	Huỳnh Thanh	Âu	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
207	48	20641724	Thạch Bội	Như	16CQT08	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
208	49	20641129	Nguyễn Huỳnh Minh	Thư	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
209	50	20641033	Hồ Nhựt	Tâm	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

210	51	20641902	Phạm Thị Cẩm	Hồng	16CQT12	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
211	52	20641471	Võ Như	Quỳnh	16CQT06	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
212	53	20641012	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
213	54	20641088	Trần Thị Kim	Cương	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
214	55	20641920	Tất Vĩ	Hào	16CQT12	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
215	56	20641022	Nguyễn Vũ Hiếu	Kiên	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
216	57	20641278	Trương Phương	Quỳnh	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
217	58	20641261	Trần Thị Kiều	Trang	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
218	59	20641720	Trần Thị Thoại	Ngọc	16CQT09	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
219	60	20641118	Lê Thanh	Triệu	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
220	61	20641937	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	16CQT12	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
221	62	20641546	Nguyễn Ngọc	Diễm	16CQT07	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

222	63	20641780	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
223	64	20641886	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
224	65	20641808	Bùi Thị Thanh	Tuyền	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
225	66	20641782	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
226	67	20641470	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	16CQT06	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
227	68	20641803	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
228	69	20641819	Dương Thị Mỹ	Xuyên	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
229	70	20641870	Đinh Gia	Hân	16CQT11	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
230	71	20641771	Nguyễn Lý Uy	Tuấn	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
231	72	20641962	Chu Thị	Thu	16CQT12	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
232	73	20641496	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16CQT07	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
233	74	20641705	Nguyễn Thị Như	Ý	16CQT09	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

234	75	20641019	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
235	76	20641265	Nguyễn Tấn	Dinh	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
236	77	20641085	Nguyễn Thị Huệ	Như	16CQT02	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
237	78	20641789	Lê Thị Thuỳ	Trang	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
238	79	20641056	Nguyễn Anh	Tuấn	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
239	80	20641802	Nguyễn Hoàng	Vũ	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
240	81	20641768	Vũ Thị Thanh	Thảo	16CQT10	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
241	82	20641301	Lê Ngọc	Thanh	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
242	83	20641222	Tô Thị Thùy	Linh	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
243	84	20641291	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
244	85	20641038	Phan Hoàng	Trang	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
245	86	20641257	Lê Thanh	Thảo	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

246	87	20641326	Nguyễn Hoàng	Tú	16CQT05	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
247	88	20641029	Nguyễn Thị Hồng	Lý	16CQT01	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
248	89	20641193	Nguyễn Đình	Tiến	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
249	90	20641285	Nguyễn Quốc Chí	Văn	16CQT04	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
250	91	20641911	Nguyễn Phương	Mai	16CQT12	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
251	92	20641239	Dư Hoài Ngọc	Thạch	16CQT03	16	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
252	93	20682003	Tô Chí	Phước	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
253	94	20682030	Nguyễn Quốc	Thông	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
254	95	20682044	Nguyễn Văn	Trung	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
255	96	20635140	Hồ Thị Cẩm	Ly	16CFB02	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
256	97	20635056	Võ Thị Hồng	Liên	16CFB01	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
257	98	20635085	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	16CFB02	16	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

258	99	20621019	Trần Quân	Nghiệp	16CTA01	16	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
259	100	20621086	Nguyễn Lâm Quốc	Đạt	16CTA02	16	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
260	101	20621107	Đàm Hoàng	Phúc	16CTA02	16	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
261	102	20621223	Võ Từ Ánh	Nhật	16CTA03	16	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
262	103	20621222	Võ Từ Ánh	Nguyệt	16CTA03	16	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
263	104	20622029	Cao Lâm Ánh	Xuân	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
264	105	20622009	Bùi Thị Ánh	Tuyết	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
265	106	20622052	Trần Huỳnh Kim	Tuyền	16CKR01	16	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
266	107	21661076	Nguyễn Kim Ngọc	Thích	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
267	108	21661100	Ngô Hải	Phúc	17CIT02	17	Công nghệ thông tin (CIT)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
268	109	21661060	Võ Thị Thúy	Ngân	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
269	110	21662007	Tạ Thị Ngọc	Hân	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	

270	111	21671004	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
271	112	21671024	Phạm Vũ Ngọc	Bích	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
272	113	21671008	Trương Võ Thảo	Cường	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
273	114	21671025	Nguyễn Hoàng	Hiếu	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
274	115	21671015	Hồ Võ Thanh	Bình	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
275	116	21671023	Phạm Quế	Hân	17CTX01	17	Công tác xã hội (CTX)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
276	117	21681011	Huỳnh Nguyễn Bích	Tuyền	17CDL01	17	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
277	118	21681014	Trương Thị Ngọc	Tú	17CDL01	17	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
278	119	21631231	Trần Thanh	Huyền	17CKT08	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
279	120	21631368	Lâm Thị Phương	Trúc	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
280	121	21631305	Nguyễn Dương Hoàng	Anh	17CKT11	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
281	122	21631347	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	17CKT12	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

282	123	21631207	Âu Gia	Kiệt	17CKT07	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
283	124	21631348	Huỳnh Thị Bích	Duyên	17CKT12	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
284	125	21631005	Lê Thành	Danh	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
285	126	21631252	Phạm Thùy	Trang	17CKT09	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
286	127	21631335	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	17CKT12	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
287	128	21631428	Lương Thị Khánh	Linh	17CKT15	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
288	129	21631375	Nguyễn Thị Bích	Châu	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
289	130	21631369	Nguyễn Phạm Thị	Kiều	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
290	131	21631366	Võ Thị	Uyên	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
291	132	21631040	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	17CKT02	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
292	133	21631390	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
293	134	21631037	Trần Thị Thu	Trang	17CKT02	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

294	135	21631529	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	17CKT13	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
295	136	21631035	Lê Ngọc Lan	Anh	17CKT02	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
296	137	21631248	Nguyễn Thùy	Hương	17CKT09	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
297	138	21631341	Phan Thị Thuỳ	Nhung	17CKT12	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
298	139	21631059	Nguyễn Thị Mỹ	Cúc	17CKT02	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
299	140	21631067	Phạm Thị Sang	Nhi	17CKT03	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
300	141	21631001	Nguyễn Thị Kiều	Thanh	17CKT01	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
301	142	21631052	Huỳnh Ngọc Thu	Phương	17CKT02	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
302	143	21631344	Lê Thị Thu	Nguyệt	17CKT12	17	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
303	144	21611026	Ngô Thị Trúc	Huỳnh	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
304	145	21611206	Vũ Thị Thùy	Trang	17CKD07	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
305	146	21611225	Mai Lê Thục	Uyên	17CKD08	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

306	147	21611044	Nguyễn Thị Thu	Hưởng	17CKD02	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
307	148	21611182	Trần Thị Yến	Nhi	17CKD07	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
308	149	21611042	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	17CKD02	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
309	150	21611007	Võ Hoàng Lan	Anh	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
310	151	21611236	Huỳnh Hiếu	Nghi	17CKD08	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
311	152	21611057	Lý Thị Vĩnh	Kỳ	17CKD02	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
312	153	21611002	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
313	154	21611169	Đoàn Trọng	Kiệt	17CKD06	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
314	155	21611023	Lê Xuân	Phát	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
315	156	21611161	Phan Thị Kiều	Hạnh	17CKD06	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
316	157	21611047	Nguyễn Minh	Ân	17CKD02	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
317	158	21611220	Đặng Trần Vi	Thảo	17CKD08	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

318	159	21631293	Dương Bảo	Trân	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
319	160	21611011	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
320	161	21611027	Vày Lệ	Mai	17CKD01	17	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
321	162	21612002	Nguyễn Thị Trúc	Ly	17CXN01	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
322	163	21612091	Nguyễn Thị Tú	Hảo	17CXN03	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
323	164	21612171	Võ Thị Quỳnh	Như	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
324	165	21612157	Lê Mỹ Nguyệt	Trinh	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
325	166	21612124	Lê Thị Thanh	Nhi	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
326	167	21612212	Võ Lê Yến	Nhi	17CXN07	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
327	168	21612158	Võ Trần Hoàng	Yến	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
328	169	21612159	Nguyễn Thị Ý	Thơ	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
329	170	21612013	Huỳnh Thị Tường	Vy	17CXN01	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

330	171	21612037	Nguyễn Thị Trường	Linh	17CXN02	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
331	172	21612103	Nguyễn Thị Phượng	Hằng	17CXN04	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
332	173	21612139	Lê Thị Bích	Phương	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
333	174	21612180	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	17CXN06	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
334	175	21612113	Võ Thị Thanh	Dung	17CXN04	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
335	176	21612125	Huỳnh Thúy	Vân	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
336	177	21612123	Nguyễn Hoàng Hiếu	Yến	17CXN05	17	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
337	178	21613093	Nguyễn Anh	Thư	17CLG04	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
338	179	21613008	Đặng Mỹ	Hồng	17CLG01	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
339	180	21613116	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17CLG04	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
340	181	21613109	Đinh Trung	Đức	17CLG04	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
341	182	21613062	Bùi Thị Tường	Oanh	17CLG03	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

342	183	21613055	Phạm Thành	Long	17CLG02	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
343	184	21613040	Nguyễn Thị Bích	Trâm	17CLG02	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
344	185	21613105	Ngô Thanh	Thủy	17CLG04	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
345	186	21613098	Huỳnh Thị Kim	Cương	17CLG04	17	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
346	187	21651008	Võ Dương Thanh	Hương	17CIM01	17	Quản lý công nghiệp (CIM)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
347	188	21641133	Doãn Thị Mỹ	Linh	17CQT05	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
348	189	21641770	Đinh Thị	Xinh	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
349	190	21641568	Lê Hồng	Hà	17CQT20	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
350	191	21641750	Huỳnh Ngọc Như	Ý	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
351	192	21641774	Dương Nguyễn Hoàng	Triều	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
352	193	21641690	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
353	194	21641687	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

354	195	21641744	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
355	196	21641510	Huỳnh Ngọc Kim	Tuyền	17CQT17	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
356	197	21641005	Nguyễn Hoàng	Kha	17CQT01	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
357	198	21641433	Nguyễn Công	Thành	17CQT15	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
358	199	21641492	Nguyễn Đức	Sinh	17CQT17	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
359	200	21641331	Nguyễn Thị	Giang	17CQT12	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
360	201	21641204	Lê Văn	Thạch	17CQT07	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
361	202	21641468	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17CQT16	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
362	203	21641678	Đỗ Thị	Thiên	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
363	204	21641769	Ung Hoàng Lan	Anh	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
364	205	21641780	Thạch Thị Ngọc	Ý	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
365	206	21641732	Trần Thị Kim	Anh	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

366	207	21641747	Trần Diệu Mai	Lâm	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
367	208	21641324	Võ Trần	Vinh	17CQT11	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
368	209	21641749	Trần Nguyễn Lan	Anh	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
369	210	21641691	Trương Mỹ	Nương	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
370	211	21641676	Trần Thị Ngọc	Hạnh	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
371	212	21641583	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	17CQT20	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
372	213	21641672	Đỗ Thị Mỹ	Hà	17CQT23	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
373	214	21641023	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	17CQT01	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
374	215	21641009	Phạm Trung	Tiến	17CQT01	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
375	216	21641464	Nguyễn Thị	Mỹ	17CQT16	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
376	217	21641766	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
377	218	21641756	Phan Thị Hồng	Hạnh	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

378	219	21641264	Trần Minh	Triển	17CQT09	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
379	220	21641823	Nguyễn Hoài	An	17CQT28	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
380	221	21641572	Lê Anh	Thư	17CQT19	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
381	222	21641761	Hoàng Thị Diệp	Huyền	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
382	223	21641169	Nguyễn Thị Thu	Ngân	17CQT06	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
383	224	21641153	Hồ Công	Bằng	17CQT06	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
384	225	21641106	Lương Văn	Diệu	17CQT04	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
385	226	21641059	Liêu Kim	Phượng	17CQT02	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
386	227	21641746	Nguyễn Thị Lan	Anh	17CQT25	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
387	228	21621021	Hồ Thị Ngọc	Bội	17CTA01	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
388	229	21621113	Võ Ngọc	Hân	17CTA04	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
389	230	21621158	Ngô Thanh	Hân	17CTA06	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

390	231	21621182	Võ Quốc	Huy	17CTA07	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
391	232	21621230	Mai Chí	Bảo	17CTA08	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
392	233	21621218	Đỗ Minh	Đăng	17CTA08	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
393	234	21621176	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	17CTA06	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
394	235	21621166	Phan Thúy	An	17CTA06	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
395	236	21621008	Nguyễn Thanh	Tú	17CTA01	17	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
396	237	21622004	Lê Huỳnh Khánh	Nhi	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
397	238	21622014	Lâm Thị Thu	Thuỳ	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
398	239	21622006	Phạm Thị Huyền	Thanh	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
399	240	21622012	Nguyễn Thị	Ánh	17CKR01	17	Tiếng hàn (CKR)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
400	241	22681005	Lê Bảo	Trâm	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	
401	242	22631001	Lê Tường	Vi	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

402	243	22631400	Đặng Thị Thanh	Ngân	18CKT14	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
403	244	22631056	Nguyễn Thị Minh	Phương	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
404	245	22631092	Ngô Thị Thanh	Trúc	18CKT04	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
405	246	22631397	Nguyễn Ngọc Hải	Vân	18CKT14	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
406	247	22631025	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
407	248	22631170	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	18CKT06	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
408	249	22631528	Lý Đình Song	Hân	18CKT18	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
409	250	22631520	Nguyễn Thụy Thu	Uyên	18CKT18	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
410	251	22631009	Huỳnh Thị Ngọc	Hiền	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
411	252	22631430	Hồ Nguyễn Ngọc	Trinh	18CKT15	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
412	253	22631427	Đào Hải	Yến	18CKT15	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
413	254	22631456	Phạm Thị Kiều	Oanh	18CKT16	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

414	255	22631324	Trần Thị Kim	Thắm	18CKT11	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
415	256	22631496	Huỳnh Lưu Tú	Trinh	18CKT17	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
416	257	22631572	Trần Thị Thanh	Huyền	18CKT20	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
417	258	22631545	Bùi Thị Thanh	Hương	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
418	259	22631526	Đào Thu	Trang	18CKT18	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
419	260	22631438	Nguyễn Tấn	Phát	18CKT15	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
420	261	22631284	Trần Thuý	Diễm	18CKT10	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
421	262	22631440	Phan Thị Trúc	Xinh	18CKT15	18	Kế toán (CKT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
422	263	22634028	Vũ Ngọc Uyên	Nhi	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
423	264	22634024	Lê Đình	Duy	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
424	265	22634036	Bùi Quang	Vinh	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
425	266	22634012	Huỳnh Như	Hiếu	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

426	267	22634005	Nguyễn Thanh	Nghĩa	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
427	268	22611171	Trần Mai	Ninh	18CKD06	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
428	269	22611096	Phạm Thị Kim	Ngân	18CKD04	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
429	270	22612103	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CXN04	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
430	271	22612062	Nguyễn Thị Kim	Oanh	18CXN03	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
431	272	22612038	Huỳnh Thị Diễm	Hồng	18CXN02	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
432	273	22612049	Nguyễn Thị Thảo	Ly	18CXN02	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
433	274	22612008	Lê Hồng	Mị	18CXN01	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
434	275	22612026	Phạm Ngọc	Hỷ	18CXN01	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
435	276	22612117	Trịnh Thanh	Thùy	18CXN04	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
436	277	22612065	Trần Thị Cẩm	Linh	18CXN03	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
437	278	22613213	Võ Thị Ánh	Tuyết	18CLG07	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

438	279	22613232	Nguyễn Đức	Đông	18CLG07	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
439	280	22613246	Phạm Minh	Huy	18CLG08	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
440	281	22613007	Lưu Xuân	Mai	18CLG01	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
441	282	22613009	Nguyễn Đình	Duy	18CLG01	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
442	283	22613139	Trần Hà	My	18CLG05	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
443	284	22613243	Thái Hoài Trúc	Ly	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
444	285	22613043	Nguyễn Lưu	Huỳnh	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
445	286	22641424	Đỗ Trương Thảo	Vi	18CQT15	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
446	287	22641023	Mai Thị	Ngọc	18CQT01	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
447	288	22641372	Ngô Trần Yến	Vy	18CQT13	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
448	289	22641402	Lê Tuấn	Kiệt	18CQT14	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
449	290	22641062	Nhan Việt	Quân	18CQT03	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

450	291	22641051	Nguyễn Trung	Kiên	18CQT02	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
451	292	22641365	Lê Nguyễn Phương	Mai	18CQT13	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
452	293	22641392	Vương Phúc	Ân	18CQT14	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
453	294	22641010	Bùi Thị	Hằng	18CQT01	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
454	295	22641006	Huỳnh Thị Ngân	Trâm	18CQT01	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
455	296	22641379	Nguyễn Thị	Linh	18CQT13	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
456	297	22641445	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18CQT15	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
457	298	22641440	Quang Thúy	Vân	18CQT15	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
458	299	22641060	Nguyễn Thảo	Nhi	18CQT02	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
459	300	22641414	Dương Minh	Khánh	18CQT14	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
460	301	22641036	Đặng Mỹ	Linh	18CQT02	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
461	302	22682053	Nguyễn Hữu	Nguyên	18CKS02	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Giỏi	1.128.000	5	5.640.000	

462	303	22621044	Lê Võ Quang	Đức	18CTA02	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
463	304	22621137	Hồng Bảo	Nghi	18CTA05	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
464	305	22621049	Dương Thị Thanh	Trúc	18CTA02	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
465	306	22621174	Lê Hoàng Khánh	Duyên	18CTA06	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
466	307	22621006	Đào Xuân	Minh	18CTA01	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
467	308	22621065	Nguyễn Hoàng Tố	Anh	18CTA03	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
468	309	22621032	Bùi Nhật	Kha	18CTA02	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
469	310	22621104	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	18CTA04	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
470	311	22621158	Trần Hữu	Hòa	18CTA06	18	Tiếng anh (CTA)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
471	312	22635004	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CFB01	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
472	313	22635016	Khưu Tú	Thảo	18CFB01	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
473	314	22635032	Phạm Kim	Như	18CFB02	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	

474	315	22635126	Huỳnh Thị Trúc	Vy	18CFB03	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
475	316	22635020	Trang Huỳnh Thế	Bảo	18CFB02	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Giỏi	936.000	5	4.680.000	
476	317	21532003	Nguyễn Thuỵ Thuỳ	Trang	30TKT01	30	Kế toán (TKT)	Giỏi	828.000	5	4.140.000	
477	318	21532014	Huỳnh Tú	Anh	30TKT01	30	Kế toán (TKT)	Giỏi	828.000	5	4.140.000	
		II. XẾP LOẠI HỌC BỔNG KHÁ									**437.100.000**	
478	1	20611002	Lê Thanh	Vy	16CKD03	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
479	2	20611074	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
480	3	20611077	Phạm Thị Kim	Huệ	16CKD01	16	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
481	4	20682055	Nguyễn Quốc	Hy	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	
482	5	20682079	Lưu Thảo	Vy	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	
483	6	20682004	Tô Thị Ngọc	Trầm	16CKS01	16	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	
484	7	21661094	Đỗ Đăng	Khoa	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Khá	940.000	5	4.700.000	

485	8	21661029	Đỗ Ngọc	Quang	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Khá	940.000	5	4.700.000	
486	9	21661006	Nguyễn Phát	Triều	17CSI01	17	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Khá	940.000	5	4.700.000	
487	10	21651025	Lê Thị Vân	Anh	17CIM01	17	Quản lý công nghiệp (CIM)	Khá	780.000	5	3.900.000	
488	11	21651003	Lê Uyển	Trinh	17CIM01	17	Quản lý công nghiệp (CIM)	Khá	780.000	5	3.900.000	
489	12	21641754	Vi Thanh	Kim	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
490	13	21641771	Nguyễn Thị Thúy	Vy	17CQT26	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
491	14	21641718	Đặng Thúy	Nga	17CQT24	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
492	15	21641100	Nguyễn Nguyên	Khang	17CQT04	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
493	16	21641706	Lê Thị Thuỳ	Trang	17CQT24	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
494	17	21641840	Trình Mỹ	Kiều	17CQT28	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
495	18	21641417	Trần Nguyễn Thùy	Trang	17CQT14	17	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
496	19	21682011	Nguyễn Hoàng	Huy	17CKS01	17	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	

497	20	21682038	Lê Thị Ngọc	Huyền	17CKS01	17	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	
498	21	21682010	Võ Cẩm	Tiên	17CKS01	17	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	
499	22	21621220	Hà Quang	Hiếu	17CTA08	17	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
500	23	21621054	Tô Hoàng	Nhi	17CTA02	17	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
501	24	21621221	Lê Thị Kim	Chi	17CTA08	17	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
502	25	21635017	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	17CFB01	17	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Khá	780.000	5	3.900.000	
503	26	22661068	Nguyễn Văn	Bảo	18CIT03	18	Công nghệ thông tin (CIT)	Khá	940.000	5	4.700.000	
504	27	22662007	Lê Đình Tiến	Anh	18CSI01	18	Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (CSI)	Khá	940.000	5	4.700.000	
505	28	22671011	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	18CTX01	18	Công tác xã hội (CTX)	Khá	780.000	5	3.900.000	
506	29	22681035	Trần Nhân	Ái	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Khá	940.000	5	4.700.000	
507	30	22681045	Huỳnh Trung	Tín	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Khá	940.000	5	4.700.000	
508	31	22681029	Lê Hoàng	Vy	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch (CDL)	Khá	940.000	5	4.700.000	

509	32	22631029	Lữ Thị Mai	Hương	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
510	33	22631015	Mai Mộng	Ngân	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
511	34	22631005	Nguyễn Trung Duyên	Giác	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
512	35	22631304	Phan Thị Kim	Ngân	18CKT11	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
513	36	22631506	Phạm Thanh Lâm	Anh	18CKT17	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
514	37	22631319	Cao Ngọc Thùy	Dương	18CKT11	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
515	38	22631475	Lê Thị Hoàng	Anh	18CKT16	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
516	39	22631559	Châu Ngọc Anh	Thư	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
517	40	22631017	Chu Ngọc Mỹ	Linh	18CKT01	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
518	41	22631052	Phạm Thị Ngọc	Diệu	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
519	42	22631562	Nguyễn Ngọc	Tuấn	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
520	43	22631553	Nguyễn Thị Tú	Trinh	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	

521	44	22631054	Nguyễn Trọng	Nghĩa	18CKT02	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
522	45	22631398	Nguyễn Thị Ý	Muội	18CKT14	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
523	46	22631570	Võ Ngọc	Linh	18CKT19	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
524	47	22631575	Nguyễn Thị Kim	Thủy	18CKT20	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
525	48	22631574	Nguyễn Thiên	Trúc	18CKT20	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
526	49	22631132	Nguyễn Thị Tường	Vy	18CKT05	18	Kế toán (CKT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
527	50	22634035	Trần Ngọc Bảo	Trân	18CAD01	18	Kiểm toán (CAD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
528	51	22611149	Trần Thị Quỳnh	Như	18CKD05	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
529	52	22611130	Nguyễn Thị Thuỳ	Oanh	18CKD05	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
530	53	22611007	Tô Kiều	Nhi	18CKD01	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
531	54	22611137	Huỳnh Ngọc Bích	Trân	18CKD05	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	
532	55	22611018	Nguyễn Huy	Đăng	18CKD01	18	Kinh doanh thương mại (CKD)	Khá	780.000	5	3.900.000	

533	56	22612002	Võ Thị Thanh	Ngân	18CXN01	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Khá	780.000	5	3.900.000	
534	57	22612023	Đoàn Phạm Bảo	Trân	18CXN01	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Khá	780.000	5	3.900.000	
535	58	22612072	Quân Lê Tường	Vy	18CXN03	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Khá	780.000	5	3.900.000	
536	59	22612007	Võ Thị Kim	Liên	18CXN01	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Khá	780.000	5	3.900.000	
537	60	22612092	Ngô Ngọc	Hân	18CXN04	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Khá	780.000	5	3.900.000	
538	61	22612102	Trần Yến	Vi	18CXN04	18	Kinh doanh xuất nhập khẩu (CXN)	Khá	780.000	5	3.900.000	
539	62	22613201	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	18CLG07	18	Logistics (CLG)	Khá	780.000	5	3.900.000	
540	63	22613028	Nguyễn Thị Cẩm	Trúc	18CLG01	18	Logistics (CLG)	Khá	780.000	5	3.900.000	
541	64	22613053	Nguyễn Minh Anh	Thư	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Khá	780.000	5	3.900.000	
542	65	22613216	Huỳnh Nguyễn Tâm	Như	18CLG07	18	Logistics (CLG)	Khá	780.000	5	3.900.000	
543	66	22613138	Phạm Ngọc Kim	Huyền	18CLG05	18	Logistics (CLG)	Khá	780.000	5	3.900.000	
544	67	22613032	Võ Mai	Ly	18CLG02	18	Logistics (CLG)	Khá	780.000	5	3.900.000	

545	68	22651002	Huỳnh Phạm Mai	Liên	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp (CIM)	Khá	780.000	5	3.900.000	
546	69	22651022	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp (CIM)	Khá	780.000	5	3.900.000	
547	70	22651020	Ông Kim	Yến	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp (CIM)	Khá	780.000	5	3.900.000	
548	71	22651021	Bùi Ngọc Thanh	Thảo	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp (CIM)	Khá	780.000	5	3.900.000	
549	72	22641020	Nguyễn Anh	Tuấn	18CQT01	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
550	73	22641067	Nguyễn Thị	My	18CQT03	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
551	74	22641559	Phan Nguyễn Như	Quỳnh	18CQT19	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
552	75	22641840	Lư Uyển	Dung	18CQT28	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
553	76	22641607	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18CQT21	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
554	77	22641122	Lưu Thị Bảo	Ngọc	18CQT05	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
555	78	22641141	Nguyễn Việt	Chinh	18CQT05	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
556	79	22641772	Huỳnh Thị Hồng	Hạnh	18CQT26	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	

557	80	22641046	Nguyễn Thành	Long	18CQT02	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
558	81	22641116	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	18CQT04	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
559	82	22641195	Đỗ Thị	Vân	18CQT07	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
560	83	22641039	Nguyễn Lan	Anh	18CQT02	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
561	84	22641566	Nguyễn Ngọc Thùy	Vân	18CQT19	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
562	85	22641314	Thái Thị Bích	Ngọc	18CQT11	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
563	86	22641905	Bùi Trà	My	18CQT30	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
564	87	22641474	Lê Thị Thuý	Diễm	18CQT16	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
565	88	22641550	Nguyễn Thị Thùy	Dương	18CQT19	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
566	89	22641446	Đậu Thị Huyền	Trang	18CQT15	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
567	90	22641529	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	18CQT18	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
568	91	22641124	Quách Đoàn Hoài	Thương	18CQT05	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	

569	92	22641434	Hoàng Thị Thủy	Tiên	18CQT15	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
570	93	22641767	Nguyễn Kim	Hương	18CQT26	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
571	94	22641436	Phan Ngọc Trúc	Ngân	18CQT15	18	Quản trị kinh doanh (CQT)	Khá	780.000	5	3.900.000	
572	95	22682005	Nguyễn Nhật	Hào	18CKS01	18	Quản trị khách sạn (CKS)	Khá	940.000	5	4.700.000	
573	96	22621058	Nguyễn Thị Thanh	Hà	18CTA02	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
574	97	22621010	Lương Tuyết	Đào	18CTA01	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
575	98	22621075	Đặng Quốc	Quân	18CTA03	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
576	99	22621045	Lê Anh	Thư	18CTA02	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
577	100	22621165	Phạm Thị Hoàng	My	18CTA06	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
578	101	22621003	Lương Nguyễn Anh	Thy	18CTA01	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
579	102	22621031	Trần Hoàng	Quân	18CTA02	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	
580	103	22621149	Phạm Thị Thùy	Dương	18CTA05	18	Tiếng anh (CTA)	Khá	780.000	5	3.900.000	

581	104	22622010	Nguyễn Trần Mỹ	Liên	18CKR01	18	Tiếng hàn (CKR)	Khá	780.000	5	3.900.000	
582	105	22622031	Châu Minh	Huy	18CKR02	18	Tiếng hàn (CKR)	Khá	780.000	5	3.900.000	
583	106	22622056	Nguyễn Hà Phương	Thảo	18CKR02	18	Tiếng hàn (CKR)	Khá	780.000	5	3.900.000	
584	107	22635082	Đinh Nhật Tường	Vi	18CFB03	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Khá	780.000	5	3.900.000	
585	108	22635033	Đặng Gia	Quân	18CFB02	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Khá	780.000	5	3.900.000	
586	109	22635070	Trương Diễm	Phương	18CFB03	18	Tài chính-Ngân hàng (CFB)	Khá	780.000	5	3.900.000	
Tổng cộng											**2.884.890.000**	
Số tiền bằng chữ: Hai tỷ tám trăm tám mươi bốn triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng chẵn./.												